

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ QUAN TRẮC 2023-2024

Số: 2023/N2184/1098



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP tập đoàn Bắc Hà

Dự án: Dự án Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ Cục Ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra C44 – Bộ Công an) và xây dựng nhà trẻ

Địa chỉ: Ô 17 – HH1 KĐT Tây Hồ Tây – P Xuân La – Q. Tây Hồ - Hà Nội

Tên mẫu	Nước thải sinh hoạt điểm xả
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu	24/3/2023
Thời gian thử nghiệm	24/3-04/4/2023

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492 : 2011	7,3	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng ^(b)	mg/L	TCVN 6625 : 2000	7	100
3	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/L	CEECS/NT/HT/TDS	235	1000
4	BOD ₅ (20 ⁰ C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2008	14,2	50
5	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7323-2:2004	8,0	50
6	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	0,5 (LOQ=0,9)	20
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622:2000	<0,02	10
8	Phosphat (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,05	10
9	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,03	4,0
10	Amoni (Tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 350.2	0,56	10
11	Tổng Coliforms (**4)	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2300	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt của Bộ Tài nguyên môi trường.
- Cột B_ Áp dụng khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



- ^(a): Các chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557
- ^(b): Các chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195
- ^(**4) Các chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện hóa học công nghiệp Việt Nam – Vimcerts 087

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2023

**THAY MẶT
CÁN BỘ PHÂN TÍCH**

Trinh Thị Hué

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Nguyễn Văn Vũ

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 2023/N4605/2549

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP tập đoàn Bắc Hà

Dự án: Dự án Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ Cục Ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra C44 – Bộ Công an) và xây dựng nhà trẻ

Địa chỉ: Ô 17 – HH1 KĐT Tây Hồ Tây – P Xuân La – Q. Tây Hồ – Hà Nội

Tên mẫu	Nước thải sinh hoạt điểm xả
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu	23/6/2023
Thời gian thử nghiệm	23/6-07/7/2023

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492 : 2011	7,0	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng ^(b)	mg/L	TCVN 6625 : 2000	6	100
3	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/L	CEECS/NT/HT/TDS	210	1000
4	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2008	6,7	50
5	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7323-2:2004	5,0	50
6	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	0,3 (LOQ=0,9)	20
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622:2000	<0,02	10
8	Phosphat (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,92	10
9	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,03	4,0
10	Amoni (Tinh theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,2	10
11	Tổng Coliforms (**4)	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2400	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt của Bộ Tài nguyên môi trường.
- Cột B_ Áp dụng khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com
VILAS 557 - VIMCERTS 195



- (a): Các chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557
- (b): Các chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195
- (***) Các chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện hóa học công nghiệp Việt Nam – Vimcerts 087

**THAY MẶT
CÁN BỘ PHÂN TÍCH**

Trịnh Thị Huệ

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

Số: 2023/N8925/3625

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP tập đoàn Bắc Hà

Dự án: Dự án Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ Cục Ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra C44 – Bộ Công an) và xây dựng nhà trẻ

Địa chỉ: Ô 17 – HH1 KĐT Tây Hồ Tây – P Xuân La – Q. Tây Hồ - Hà Nội

Tên mẫu	Nước thải sinh hoạt điểm xả
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu	6/9/2023
Thời gian thử nghiệm	6/9-23/9/2023

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492 : 2011	7,2	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng ^(b)	mg/L	TCVN 6625 : 2000	15	100
3	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/L	CEECS/NT/HT/TDS	305	1000
4	BOD ₅ (20 ⁰ C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2008	27,6	50
5	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7323-2:2004	5,4	50
6	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	0,6 (LOQ=0,9)	20
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622:2000	<0,02	10
8	Phosphat (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,1	10
9	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,03	4,0
10	Amoni (Tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,2	10
11	Tổng Coliforms (**4)	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2100	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt của Bộ Tài nguyên môi trường.
- Cột B_ Áp dụng khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195



- ^(a): Các chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557
- ^(b): Các chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195
- ^(**4) Các chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện hóa học công nghiệp Việt Nam – Vimcerts 087

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trinh Thị Huế

Nguyễn Ngọc Việt



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02460/2023/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : Công ty cổ phần Công nghệ môi trường Sugina
Địa chỉ : Số nhà 5C Hẻm 23/72/49 Đường Đức Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Công ty CP tập đoàn Bắc Hà
Địa điểm quan trắc : Dự án " Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ Cục ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn Phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra C44-Bộ công an) và xây dựng nhà trẻ"-Ô đất ký hiệu O17-HH1, Khu đô thị mới Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu:** 01
Ngày lấy mẫu : 05/12/2023 **Thời gian phân tích:** 05/12/2023 – 13/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2312/ 7715	Cột B
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,21	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	319,6	1.000
3.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	30,8	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	96,4	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	7,84	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,2	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,78	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,026	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,21	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,12	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	4,7x10 ³	5.000

Ghi chú:

- **Vị trí quan trắc:**

+ **W2312/7715:** NT1/02/05.12.2023/Nước thải tại điểm đầu nối từ hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của KDT.

- **Quy chuẩn so sánh:**

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh giá ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

Cột B quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. GIÁM ĐỐC


NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG


LÊ THUY DƯƠNG

-
1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00321/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : Công ty cổ phần Công nghệ môi trường Sugina
Địa chỉ : Số nhà 5C Hẻm 23/72/49 Đường Đức Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận
Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Công ty CP tập đoàn Bắc Hà
Địa điểm quan trắc : Dự án " Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ
chiến sỹ Cục ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn Phòng Cơ quan Cảnh
sát điều tra C44-Bộ công an) và xây dựng nhà trẻ"-Ô đất ký hiệu O17-
HH1, Khu đô thị mới Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 05/03/2024 Thời gian phân tích: 05/03/2024 – 12/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2403/546	Cột B
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,57	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	356	1.000
3.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8,46	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	11,5	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	7,85	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	9,67	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,8	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,04	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,1	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	4,3x10 ³	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2403/546: NT1/03/05.03.2024/Nước thải tại điểm đầu nối từ hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của Khu đô thị.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

LÊ THÙY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01766/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : Công ty cổ phần Công nghệ môi trường Sugina
Địa chỉ : Số nhà 5C Hẻm 23/72/49 Đường Đức Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Công ty CP tập đoàn Bắc Hà
Địa điểm quan trắc : Dự án " Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ Cục ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn Phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra C44-Bộ công an) và xây dựng nhà trẻ"-Ô đất ký hiệu O17-HH1, Khu đô thị mới Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 27/06/2024 Thời gian phân tích: 27/06/2024 – 05/07/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2406/2150	Cột B
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,12	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	219	1.000
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,7	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	42,1	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,73	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	3,61	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,39	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,075	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,26	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,06	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	23	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2406/2150: NT4/02/27.06.2024/Nước thải tại điểm đầu nổi từ hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của KDT.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2024

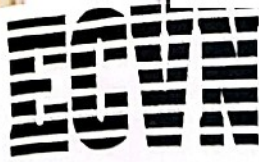
P. GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG



LÊ THUY ĐƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03090/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : Công ty cổ phần Công nghệ môi trường Sugina
Địa chỉ : Số nhà 5C Hẻm 23/72/49 Đường Đức Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận
Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Công ty CP tập đoàn Bắc Hà
Địa điểm quan trắc : Dự án " Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ
chiến sỹ Cục ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn Phòng Cơ quan Cảnh
sát điều tra C44-Bộ công an) và xây dựng nhà trẻ" - Ô đất ký hiệu O17-
HH1, Khu đô thị mới Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 27/09/2024 Thời gian phân tích: 27/09/2024 – 09/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2409/4125	Cột B
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,27	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	382	1.000
3.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	2,2	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	15,3	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	3,06	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,29	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,023	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,44	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2409/4125: NT1/06/27.9.2024 /Nước thải tại điểm đầu nối từ hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của KDT.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG - VIMCERTS 174-VILAS 150
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2024



LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04967/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : Công ty cổ phần Công nghệ môi trường Sugina
Địa chỉ : Số nhà 5C Hẻm 23/72/49 Đường Đức Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận
Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Công ty CP tập đoàn Bắc Hà
Địa điểm quan trắc : Dự án " Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ
chiến sỹ Cục ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn Phòng Cơ quan Cảnh
sát điều tra C44-Bộ công an) và xây dựng nhà trẻ"-Ô đất ký hiệu O17-
HH1, Khu đô thị mới Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 02/12/2024 Thời gian phân tích: 02/12/2024 – 16/12/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2412/7784	Cột B
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,95	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	473	1.000
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	15,2	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	20,4	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,029	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	17,6	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,28	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,8	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2412/7784: NT2/05/02.12.2024/Nước thải tại điểm đầu nối từ hệ thống thoát nước của dự án vào hệ thống thoát nước chung của KĐT.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM



LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vincerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh. 05 ngày làm việc đối với mẫu nước.

Số: 01517/2025/PKQ (KT/2503.303-304)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty CP tập đoàn Bắc Hà

Dự án: Dự án Công trình hỗn hợp nhà ở (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ Cục Ngoại tuyến và Kỹ thuật C51 và Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra C44 – Bộ Công an) và xây dựng nhà trẻ

Địa chỉ: Ô 17 – HH1 KĐT Tây Hồ Tây – P Xuân La – Q. Tây Hồ - Hà Nội

Tên mẫu	KT/2503.303 – Khí thải xử lý mùi hệ thống xử lý nước thải
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	22/03/2025
Thời gian thử nghiệm	22/03/2025 – 11/04/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT/2503.303	Cmax
1	Amoniac và các hợp chất amoni NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH	30
2	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108: 2010	2,7	4,5

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
$$C_{max} = C \times K_p \times K_v \quad (K_p=1, K_v=0,6)$$
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định; KPH: Không phát hiện
- Chỉ tiêu số 1 thực hiện bởi Công ty CP khoa học và công nghệ Việt Nam Vimcert 121
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;

NGƯỜI LẬP PHIẾU



Nguyễn Thị Vân Anh

CÁN BỘ QA/QC



Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Văn Vũ